

BIỂU PHÍ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN THANH TOÁN/GÓI TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ GIAO DỊCH TIỀN MẶT
(áp dụng cho Khách hàng mở Tài khoản thanh toán kèm Thẻ trả trước nội địa PVcomBank Onelink
từ ngày 01/07/2024)

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
	- Nếu khách hàng mở TKTT từ ngày 01 đến ngày 25 của tháng (T) thì PVcomBank thu phí quản lý TKTT/Gói TKTT vào ngày 26 tháng (T + 01) - Nếu khách hàng mở TKTT vào ngày 26 trở đi của tháng (T) thì PVcomBank thu phí quản lý TKTT/Gói TKTT vào ngày 26 tháng (T + 02)											
	(*) Các giao dịch (ghi có) không bao gồm: giao dịch hoàn phí, giao dịch nhận lãi từ TGTK, TGCKH, GTCG và giao dịch tất toán TGTK, TGCKH, GTCG											
4	Phí quản lý TKTT/ Gói TKTT không hoạt động										A	
4.1	TKTT/gói TKTT VND không hoạt động trên 12 tháng	10.000 VND								01 tháng		
	+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 1.000.000 VNĐ trở lên.											
4.2	TKTT USD không hoạt động trên 12 tháng.	1 USD								01 tháng		
	+ Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TKTT từ 50 USD trở lên.											
5	Phí quản lý tài khoản thấu chi										A	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trái nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
	- Tài khoản thấu chi (Miễn phí quản lý TK thấu chi đối với: cán bộ nhân viên PVcomBank, khách hàng Payroll của PVcomBank.)	25.000 VND	Miễn phí							25.000 VND	01 tháng	
6	TKTT/gói TKTT có số dư dưới mức tối thiểu	Không được hưởng lãi										
7	Đóng TKTT/gói TKTT										Thu phí đóng TK	A
7.1	TKTT mở dưới 12 tháng	50.000 VND/ 5 USD/ 5 EUR hoặc tương đương 5 USD quy đổi với các ngoại tệ khác	Miễn phí	Miễn phí	50.000 VND/ 5 USD/ 5 EUR hoặc tương đương 5 USD quy đổi với các ngoại tệ khác					01 tài khoản		
7.2	TKTT mở từ 12 tháng trở lên	Miễn phí									01 tài khoản	
8	Sao kê TKTT/sổ phụ hàng tháng										Theo yêu cầu KH	C

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
9.1	TKTT											
	- Sao lục chứng từ vòng 01 tháng	Miễn phí										
	- Sao lục chứng từ trong vòng 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 20.000 VND	Miễn phí	5.000 VND	10.000 VND	15.000 VND	20.000 VND			01 chứng từ		
	- Sao lục chứng từ trên 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 40.000 VND	15.000 VND	20.000 VND	25.000 VND	30.000 VND	40.000 VND			01 chứng từ		
9.2	Gói TKTT											
	- Sao lục chứng từ trong vòng 01 tháng	Miễn phí									01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trong vòng 06 tháng	Miễn phí									01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trên 06 tháng	Thỏa thuận tối thiểu 40.000 VND	15.000 VND	20.000 VND	25.000 VND	30.000 VND	30.000 VND		35.000 VND 40.000 VND	01 chứng từ		
10	Fax chứng từ										Theo yêu cầu KH	C
10.1	TKTT											

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
	- Người nhận cùng tỉnh/thành phố nơi quản lý TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 3.000 VND	Miễn phí				3.000 VND				01 chứng từ	
	- Người nhận khác tỉnh/thành phố nơi quản lý TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 5.000 VND	3.000 VND				5.000 VND				01 chứng từ	
10.2	Gói TKTT	Miễn phí										
11	Dịch vụ phong tỏa/tạm khóa TKTT theo yêu cầu PVcomBank hoặc cơ quan có thẩm quyền	Miễn phí									01 lần	
12	Dịch vụ tạm khoá TKTT theo yêu cầu của KH											C
12.1	TKTT	Thỏa thuận tối thiểu 50.000 VND	Miễn phí				50.000 VND				01 lần	
12.2	Gói TKTT	Miễn phí	Miễn phí				Miễn phí				01 lần	
13	Xác nhận thông tin TKTT bằng văn bản:										Theo yêu cầu KH	C
13.1	TKTT											

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
	- Hai bản đầu tiên	Thỏa thuận tối thiểu 30.000 VND	Miễn phí		Thỏa thuận, tối thiểu 10.000 VND	Thỏa thuận, tối thiểu 20.000 VND	30.000 VND				01 lần	
	- Từ bản thứ ba trở đi	Thỏa thuận tối thiểu 10.000 VND	Miễn phí		Thỏa thuận, tối thiểu 5.000 VND		10.000 VND				01 bản	
13.2	Gói TKTT	Miễn phí										
14	Giao dịch khác liên quan đến TKTT											C
14.1	TKTT											
	- Giải quyết hồ sơ nhận thừa kế	Thỏa thuận tối thiểu 50.000 VND									hồ sơ	
	- Lập giấy ủy quyền giao dịch TKTT	50.000 VND									01 lần	
14.2	Gói TKTT	Miễn phí										
B	GIAO DỊCH TIỀN MẶT											
I	TIỀN MẶT VND											
1	Nộp tiền mặt vào TKTT										Thu từ DV ngân quỹ	C

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí	
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm			
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3							
1.1	TKTT												
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK	Miễn phí											
	- Khác tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK												
	+ Chính chủ tài khoản nộp tiền mặt	Miễn phí											
	+ Khác chủ tài khoản nộp tiền mặt	0,02% Tối thiểu: 10.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Miễn phí				0,02% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND				Số tiền giao dịch		
1.2	Gói TKTT	Miễn phí											
2	Rút tiền mặt từ TKTT												C
2.1	TKTT												
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK	Miễn phí											
	- Khác tỉnh/ thành phố nơi quản lý TK	0,03% Tối thiểu 15.000 VND; tối đa: 1.000.000 VND	Miễn phí		0,02% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND		0,03% Tối thiểu 15.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND				Số tiền giao dịch		

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trái nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
2.2	Gói TKTT	Miễn phí										
	<i>- Trường hợp khách hàng rút tiền mặt hoặc chuyển tiền đi trong (khác CIF) và ngoài hệ thống trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản/gói tài khoản thì bị thu thêm phí kiểm đếm. Ví dụ: KH nộp tiền mặt vào ngày thứ 7 (03/02/2018). nếu thứ 2 (05/02/2018) khách hàng rút tiền mặt/chuyển tiền đi, PVcomBank sẽ thu phí đối với giao dịch nộp tiền mặt. Nếu khách hàng chuyển tiền vào ngày thứ 3 (06/02/2018) trở đi, PVcomBank sẽ không thu phí đối với giao dịch nộp tiền mặt.</i>											
	<i>- Miễn phí rút tiền mặt từ TKTT/gói TKTT đối với trường hợp Khách hàng vay cầm cố TTK/GTCG/CCTG.</i>											
II	TIỀN MẶT NGOẠI TỆ											
1	Nộp tiền mặt vào TKTT ngoại tệ										Thu từ DV ngân quỹ	A
	- Tiền mặt loại 50 USD trở lên	0,17%, tối thiểu 2 USD									Số tiền giao dịch	
	- Tiền mặt loại 20 USD trở xuống	0,3%, tối thiểu 3 USD									Số tiền giao dịch	
	- Tiền mặt loại 1, 2 USD	0,5%, tối thiểu 3 USD									Số tiền giao dịch	
	- Ngoại tệ khác	0,5%, tối thiểu 5 USD									Số tiền giao dịch	
2	Rút tiền mặt từ TKTT ngoại tệ										Thu từ DV ngân quỹ	B
	- Rút tiền mặt bằng VNĐ	Theo phí giao dịch TK VND (Mục B.I.2)									Số tiền quy đổi	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Khách hàng Ngân sách Nhà nước				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3	KH Hạng Kim Cương G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim G-Platinum	KH Hạng Vàng G-Gold	KH trải nghiệm		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3						
	- Rút ngoại tệ mặt	0,15%, tối thiểu 2 USD									Số tiền giao dịch	

Ghi chú: Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.